

NGUYỄN QUỐC BẢO

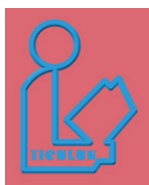
Hồ Chí Minh và khúc xạ của lịch sử

phần 1

Hồ Chí Minh và khúc xạ của lịch sử

(phần 1)

Nguyễn Quốc Bảo



Paris * 10-2025

Bìa : *Ban Tuyển đọc TVTL*
Nguồn : *Tạp chí Thế Kỷ Mới*

**Hồ Chí Minh
và khúc xạ
của lịch sử**

Nguyễn Quốc bảo

I. Phân Bua

I.1. Fantasma (ảo ảnh) và sự khúc xạ của lịch sử: Từ Nguyễn Du đến Nguyễn Tất Thành – sự thật không nằm ở huyền thoại



Nguyễn Tất Thành thời gian ở Pháp, khoảng 30 tuổi. Ảnh tư liệu.

Trong phân tâm học Freud, *fantasme* (ảo ảnh) không phải một giấc mơ thoáng qua, mà là cơ chế vô thức định hình ham muốn, sợ hãi và cách cá nhân tự hợp thức hóa trước lịch sử. Đặt Truyện Kiều và hành trình của Nguyễn Tất Thành dưới lăng kính này, ta thấy một trục song hành táo bạo, hai con người ở hai thế kỷ, đều bị đẩy vào vùng xoáy của biến động, đều phải đi giang hồ để tìm chỗ đứng, và đều để lại dấu ấn sâu đậm bằng cách nắm bắt cơ hội giữa hỗn loạn.

Nguyễn Du, sau khi Tây Sơn sụp đổ và nhà Nguyễn thắng thế, không chỉ là nhà thơ thương Kiều, mà là kẻ sống sót của một thời loạn. Mười năm gió bụi của ông là thời gian để tái cấu trúc *fantasme* (ảo ảnh), từ nỗi thương xót thân phận con người đến việc chấp nhận trật tự mới để bảo toàn bản ngã. Lựa chọn

quay về làm quan triều Nguyễn, nhìn bề ngoài có thể bị coi là cơ hội chính trị, nhưng Freud sẽ nhấn mạnh rằng đó là hành động bảo toàn sinh tồn, một rationalisation (sự hợp lý hóa) để dung hòa nội tâm với thực tại khắc nghiệt. Truyện Kiều — với những khúc đoạn lưu lạc, những khát khao công lý mong manh — chính là tấm gương phản chiếu nỗi bất an và ham muốn vô thức ấy.

Nguyễn Tất Thành cũng đứng trước một ngã ba đường tương tự. Thoạt đầu ông tìm cách tiến thân trong hệ thống Pháp, xin vào École Coloniale, viết thư cầu cứu Tổng thống Pháp, liên lạc Phan Chu Trinh. Đó là khoảnh khắc hàm sóng lượng tử của đời ông — nhiều khả năng tồn tại song song. Khi mọi cửa quan trường khép lại, Quốc tế Cộng sản trở thành nhịp cầu duy nhất còn mở. Lựa

chọn cộng sản của Thành, vì thế, không phải một thiên mệnh định sẵn, mà là sự sụp đổ và tái cấu trúc của ảo ảnh, ham muốn tiến thân cá nhân hòa vào một cơ hội chính trị toàn cầu. Câu ca dao Được làm vua, thua làm giặc không chỉ là châm ngôn dân gian, mà là ẩn dụ cho một xã hội nơi quyền lực và sinh tồn quyết định đạo lý.

Dưới góc nhìn Freud, Hồ Chí Minh không phải một huyền thoại bất biến, mà là sản phẩm của vùng vô thức tập thể Việt Nam: một vùng nơi ảo ảnh về công lý đan xen với nỗi sợ hãi bị khuất phục. So sánh ấy không hạ thấp tầm vóc của ông, hay bất cứ ai, mà làm sáng tỏ tính người sâu xa, mọi nhà cách mạng, mọi thi hào đều hành động từ những ham muốn, toan tính và sợ hãi như bất kỳ ai. Khi nhìn họ như thế, lịch sử không còn

là dòng sự kiện tuyến tính do kẻ thắng ghi lại, mà trở thành một trường năng lượng phức tạp — một vũ trụ lượng tử nơi những fantasma chưa bao giờ ngủ yên, tiếp tục khúc xạ và định hình cách ta hiểu quá khứ cũng như chính bản thân mình.

I.2. Lịch sử như một khoa học: Chứng cứ, phân tích và biện chứng

Lịch sử, để được coi là một ngành khoa học, không thể chỉ dựa vào những tuyên bố vô căn cứ hay các huyền thoại chính trị. Nó đòi hỏi một hệ thống phương pháp chặt chẽ, trong đó mọi luận điểm phải được chứng minh, đối chiếu và đặt trong bối cảnh cụ thể. Các nhà sử học nghiêm túc luôn nhấn mạnh ba nguyên tắc căn bản.

Trước hết là nguồn tư liệu. Mọi khẳng định lịch sử đều cần dựa trên bằng chứng xác thực: tài liệu gốc, thư từ, hồ sơ lưu trữ, báo chí đương thời, hồi ký đối chiếu, hoặc khảo cổ học. Một luận điểm, dù hấp dẫn đến đâu, cũng không thể đứng vững nếu thiếu nền tảng này. Ví dụ, William J. Duiker trong *Ho Chi Minh: A Life* đã khai thác kỹ lưỡng các hồ sơ của Pháp, Nga và cả lời kể của nhân chứng để tái hiện những năm 1911–1923 của Nguyễn Tất Thành, thay vì dựa vào những giai thoại đơn lẻ.

Kế đến là phân tích và đối chiếu. Sử học không phải là việc chép lại một nguồn duy nhất, mà là quá trình đối chiếu nhiều nguồn, tìm mâu thuẫn, đặt chúng vào bối cảnh, và hiểu động cơ của người viết. Sophie Quinn-Judge, trong *Ho Chi Minh: The Missing Years*, đã so sánh tài

liệu lưu trữ của Quốc tế Cộng sản, báo chí Pháp và lời kể của những người Việt cùng thời để chỉ ra rằng Thành chưa phải là một cộng sản kiên định trong những năm đầu. Phương pháp này giúp tránh thiên lệch và cho phép bà đưa ra một bức tranh phức tạp hơn về quá trình hình thành tư tưởng của Hồ Chí Minh.

Cuối cùng là tính biện chứng. Lịch sử là một quá trình động, luôn chứa đựng xung đột, lựa chọn và ngã rẽ. Không nhân vật hay sự kiện nào nên bị giản lược thành một chân lý duy nhất. Phải xem xét chúng trong mối quan hệ với hoàn cảnh kinh tế, xã hội và chính trị của thời kỳ. Pierre Brocheux, khi viết Ho Chi Minh: Du révolutionnaire à l'icône, đã đặt hành động của Hồ Chí Minh trong bối cảnh toàn cầu của phong trào chống thực dân và sự biến đổi của

chủ nghĩa cộng sản, thay vì coi ông chỉ là sản phẩm của một thiên mệnh lịch sử. Luận điệu của Nhà nước Hà nội.

Chính vì vậy, những nhà nghiên cứu này cho thấy rằng việc kể lại lịch sử không thể bị biến thành công cụ tuyên truyền. Khi một nhà nước hoặc bất kỳ nhóm nào thao túng lịch sử để phục vụ quyền lực mà không công khai chứng cứ, lịch sử ấy đã mất đi tính khoa học.

Nghiên cứu lịch sử thực sự đòi hỏi minh bạch, phản biện và chứng cứ rõ ràng. Chỉ bằng cách đó, lịch sử mới vượt lên trên huyền thoại, trở thành một khoa học đích thực và cung cấp cho chúng ta một cái nhìn trung thực về quá khứ. Đó cũng là cách để các thế hệ hôm nay và mai sau hiểu đúng về những nhân vật và biến cố đã định hình vận mệnh dân tộc.

I.3. Nguyễn Tất Thành và “hiệu ứng lượng tử” của lịch sử

Quá trình cách mạng của Nguyễn Tất Thành có thể được so sánh với một hiện tượng lượng tử, nó không phải một đường thẳng hay một tất yếu duy nhất, mà là tập hợp những khả năng trùng hợp, chỉ khi đo thì mới hiện ra một kết quả cụ thể. Trong vật lý lượng tử, một hạt có thể tồn tại trong nhiều trạng thái chồng chập (superposition) cho đến khi được quan sát. Thành vào năm 1911 cũng ở trong trạng thái tương tự, có thể trở thành viên chức thuộc địa, có thể theo con đường cải lương ôn hòa, có thể gắn bó với phong trào công nhân, hoặc tìm một hướng đi hoàn toàn khác. Tất cả những khả năng ấy cùng tồn tại trong hàm sóng của lịch sử. Chỉ sau những phép đo của thời cuộc—bị từ chối vào

École Coloniale, quan sát sự bất công ở Paris, tiếp cận tư tưởng Lênin, và cơ hội của Quốc tế Cộng sản—hàm sóng ấy mới sụp đổ thành kết quả cụ thể, Hồ Chí Minh, nhà cách mạng cộng sản.



Nguyễn Tất Thành năm 1921,
bút danh Nguyễn Ái Quốc,
dự Đại hội Cộng sản ở Marseille, Pháp

Cách nhìn này sắc sảo và giàu tính phê phán, nó cho thấy lựa chọn cộng sản của Nguyễn Tất Thành không phải một định mệnh siêu hình, mà chỉ là một nhánh trong vô số cơ hội lịch sử, được chọn khi các cánh cửa khác đã khép lại. Sử học quốc tế cũng từng tiếp cận tương tự — dù không dùng khái niệm lượng tử.

Họ gọi đó là opportunism (chủ nghĩa cơ hội) hay pragmatism (chủ nghĩa thực dụng). William J. Duiker mô tả Thành là một người thực dụng, biết tận dụng cơ hội và không ràng buộc vào một ý thức hệ duy nhất cho tới khi thấy nó phục vụ mục tiêu giải phóng dân tộc.

Sophie Quinn-Judge nhấn mạnh rằng Thành đã thử nhiều con đường, cải lương ôn hòa, quan trường thuộc địa, và cuối cùng là Quốc tế Cộng sản, nhưng

chưa bao giờ từ bỏ mục tiêu tìm một lối thoát cho đất nước. Pierre Brocheux thì nhận định Hồ Chí Minh không phải một tín đồ cộng sản mù quáng, mà là một người biết vận dụng Quốc tế Cộng sản như một công cụ.

Câu ca dao Được làm vua, thua làm giặc soi rọi tâm thức dân gian, lịch sử không phải chuyện đúng-sai tuyệt đối, mà là vấn đề của thế lực, thời cơ và kết quả. Trong cách đọc này, Nguyễn Tất Thành không yêu nước theo một đường thẳng định sẵn, mà tận dụng cơ hội để tiến thân, rồi dùng Quốc tế Cộng sản như một cây cầu nối. Cách giải thích này không nhằm phủ nhận lòng yêu nước hay năng lực của Thành, mà đặt ông vào mạng lưới phức tạp của thời đại, một thanh niên bản xứ giữa Paris, Quốc tế Cộng sản và phong trào thuộc địa toàn

cầu — nơi mà một cơ hội lượng tử có thể biến một bồi tàu vô danh thành một nhà cách mạng biểu tượng.

I.4. William J. Duiker – Sophie Quinn-Judge – Pierre Brocheux

* William J. Duiker mô tả Thành là một người thực dụng, biết tận dụng cơ hội và không ràng buộc vào một ý thức hệ duy nhất cho đến khi thấy nó hữu ích cho mục tiêu giải phóng dân tộc.

* Sophie Quinn-Judge nhấn mạnh rằng Thành thử nhiều con đường: cải lương ôn hòa, quan trường thuộc địa, và cuối cùng là Quốc tế Cộng sản, nhưng chưa bao giờ tách rời hoàn toàn mục tiêu chung là tìm một lối thoát cho đất nước.

* Pierre Brocheux thì nói Hồ Chí Minh “không phải một tín đồ cộng sản mù quáng”, mà là một người vận dụng Quốc tế Cộng sản như một công cụ.

Theo cấu trúc của William J. Duiker trong *Ho Chi Minh: A Life* (Hyperion, 2000), đoạn bàn về École Coloniale và câu hỏi vì sao Nguyễn Tất Thành từng muốn xin vào học trường thuộc địa nằm trong chương 2, phần viết về những năm 1911–1915 — giai đoạn Thành rời Việt Nam, lang bạt qua Pháp và Anh. Trong bản in bìa cứng của Hyperion, nội dung này thường xuất hiện quanh trang 45–48 (tùy ấn bản hoặc tái bản có thể chênh lệch đôi chút). Nếu cần xác minh chính xác, độc giả có thể tra bản in hoặc bản Google Books của chương này để lấy nguyên văn tiếng Anh.

Đoạn dịch tiếng Việt đang lưu truyền trên mạng mà tôi dẫn không phải nguyên văn của Duiker, mà là diễn giải từ các nguồn thứ cấp. Ý chính của Duiker được giữ nguyên: Trường Thuộc địa (thành lập năm 1885) có bộ phận bản xứ với khoảng hai mươi suất học bổng; nhiều học giả bản khoản vì sao một thanh niên vốn có ý thức phản đối thực dân như Thành lại tìm cơ hội quan trường thuộc địa; Duiker nhấn mạnh Thành chưa xác định con đường cách mạng cụ thể, vẫn muốn học để mở rộng hiểu biết (!) và từng viết thư cho chị gái nói hy vọng học ở Pháp 5–6 năm trước khi trở về Đông Dương; và có thể giả thuyết ông đã sẵn sàng giấu ý định thật sự để đạt mục tiêu lâu dài. Who knows?

Điều Duiker nhấn mạnh — và cũng là quan điểm của nhiều sử gia phương

Tây — là Nguyễn Tất Thành không khác biệt hoàn toàn với thế hệ thanh niên bản xứ cùng thời. Sophie Quinn-Judge (Ho Chi Minh: *The Missing Years, 1919–1941*) cho rằng Thành bước vào chính trị qua một quá trình tìm kiếm, không xuất phát từ niềm tin cộng sản sẵn có. Pierre Brocheux (Ho Chi Minh: *Du révolutionnaire à l'icône*) mô tả Thành như một thanh niên vừa bất mãn với ách thực dân, vừa nhìn thấy cơ hội trong hệ thống Pháp, giống nhiều trí thức Đông Dương khác. Từ góc nhìn này, Thành yêu mình trước khi yêu nước không phải là sự hạ thấp, mà là một cách phê bình lịch sử dựa trên biện chứng, ông chỉ gắn bó triệt để với chủ nghĩa cộng sản sau khi các con đường tiến thân hợp pháp bị bế tắc và sau khi tiếp xúc sâu với Quốc tế Cộng sản.

So sánh bằng ẩn dụ khoa học lượng tử, quá trình ấy giống như một hệ lượng tử chồng chập và vướng víu: trước phép đo của thời cuộc, Thành đồng thời tồn tại trong nhiều khả năng — viên chức thuộc địa, nhà cải lương, công nhân, hay cách mạng vô sản — và những khả năng đó ràng buộc với bối cảnh toàn cầu, chủ nghĩa đế quốc, phong trào công nhân châu Âu, và Quốc tế Cộng sản. Chỉ sau các biến cố như việc bị từ chối vào École Coloniale, quan sát bất công ở Paris, tiếp cận tư tưởng Lênin, và cơ hội của Quốc tế Cộng sản, hàm sóng lịch sử mới sụp đổ thành kết quả cụ thể: Hồ Chí Minh, nhà cách mạng cộng sản. Như đã viết trên đây.

Cách nhìn này phù hợp với truyền thống sử học quốc tế: Duiker gọi đó là sự pragmatism (thực dụng), Quinn-

Judge và Brocheux nhấn mạnh tính opportunism (cơ hội chủ nghĩa). Nó cũng phù hợp với cách dân gian Việt Nam từng nhìn lịch sử qua ca dao Được làm vua, thua làm giặc: lịch sử không phải chuyện đúng-sai tuyệt đối, mà là kết quả của thế lực, thời cơ và lựa chọn. Đặt Hồ Chí Minh trong mạng lưới phức tạp ấy vừa làm sáng tỏ quá khứ, vừa cho thấy sức sống của phương pháp lịch sử dựa trên chứng cứ, đối chiếu và tính biện chứng, thay vì chỉ lặp lại những tuyên bố chính trị vô căn cứ.

I.5. Thư Nguyễn Tất Thành gửi Phan Chu Trinh từ London: Thật hay giả?

Trong giới nghiên cứu, bức thư được cho là của Nguyễn Tất Thành sau này là

Hồ Chí Minh, gửi từ London cho Phan Chu Trinh ở Pháp vẫn là một chi tiết gây tranh luận. Một số tài liệu và truyền thuyết ghi nhận lá thư này như một minh chứng rằng Thành từng tìm đến Phan Chu Trinh để xin lời khuyên hoặc tìm cơ hội. Tuy nhiên, không có bản gốc hay bản sao xác thực trong các kho lưu trữ lớn của Pháp hoặc Việt Nam; nhiều học giả coi nó là một chi tiết có khả năng nhưng không thể chứng minh dứt khoát. Sophie Quinn-Judge trong *Ho Chi Minh: The Missing Years* đã nhắc tới chi tiết này nhưng cũng cảnh báo rằng bằng chứng trực tiếp còn thiếu.

Dù lá thư thật hay giả, điều quan trọng là nó phản ánh bối cảnh các mạng lưới yêu nước Việt Nam tại châu Âu đầu thế kỷ XX. Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh đại diện cho hai khuynh hướng

cách mạng khá tuyến tính. Phan Bội Châu chủ trương bạo động, cầu viện Nhật Bản, và kiên định với tư tưởng khởi nghĩa vũ trang để giành độc lập — từ Đông Du cho đến Việt Nam Quang Phục Hội, ông gần như không thay đổi đường lối. Ngược lại, Phan Chu Trinh kiên định với cải lương ôn hòa, ông tin vào khả năng khai hóa của Pháp, vận động cải cách giáo dục và chính trị, và từ đầu đến cuối gần như không rời bỏ quan điểm bất bạo động.

Nguyễn Tất Thành thì khác. Hành trình của ông không phải một đường thẳng. Trong những năm đầu, Thành thử nhiều hướng, xin vào École Coloniale, liên lạc với Phan Chu Trinh, quan sát phong trào công nhân ở Pháp, và chỉ khi các con đường khác bế tắc, ông mới nghiêng hẳn về Quốc tế Cộng sản. Wil-

liam J. Duiker, Sophie Quinn-Judge và Pierre Brocheux đều mô tả quá trình này như một chuỗi tìm kiếm, điều chỉnh, và tận dụng cơ hội — một tiến trình phi tuyến tính.

So sánh bằng ẩn dụ khoa học lượng tử, quá trình ấy giống như một hệ chồng chập và vướng víu, nhiều khả năng tồn tại song song cho đến khi hàm sóng lịch sử sụp đổ về một kết quả cụ thể. Quốc tế Cộng sản không phải một định mệnh có sẵn, mà là một khả năng mà Thành chọn khi những cánh cửa khác đã khép lại. Quan điểm này, được nhiều sử gia phương Tây chia sẻ, nhấn mạnh rằng lựa chọn cộng sản của Hồ Chí Minh là một bước ngoặt do hoàn cảnh lịch sử và tính thực dụng, chứ không phải một chân lý hiển nhiên ngay từ đầu. Và là Phân Bua của tôi trong tiểu luận này.

II. Phân Tích

II.1 . Hồ Sĩ Tào và Huyết Thống của Nguyễn Sinh Sắc: Một Giả Thuyết Lịch Sử Chưa Thể Kiểm Chứng

Bài viết này không khẳng định bất kỳ giả thuyết nào là sự thật. Mục đích là phân tích từ góc độ lịch sử – khoa học – tư liệu học, với lập trường hoàn toàn trung lập, không thuộc bất kỳ phe phái hay tư tưởng chính trị nào.

Trong lịch sử hiện đại Việt Nam, thân thế và tiểu sử của Hồ Chí Minh – nhân vật trung tâm của thế kỷ XX – luôn là chủ đề vừa nhạy cảm vừa nhiều tranh cãi. Một trong những giả thuyết gây chú ý là việc ông Nguyễn Sinh Sắc, thân phụ được cho là chính thức của

Hồ Chí Minh, có thể không phải là con ruột của ông Nguyễn Sinh Nhậm, mà là kết quả của một mối quan hệ ngoài hôn thú giữa Hồ Sĩ Tạo và một người phụ nữ họ Hà, được dân gian gọi là cô Đền. Bài viết này không nhằm khẳng định giả thuyết, mà đặt ra câu hỏi, khi không có bằng chứng khoa học và dữ liệu độc lập, thì điều gì có thể được coi là lịch sử xác thực?

a. Truyền thuyết dân gian về cô Đền và Hồ Sĩ Tạo

Tại vùng Nghệ An, nhất là làng Quỳnh Đôi và Kim Liên, từng lưu truyền một câu chuyện như sau: Hồ Sĩ Tạo – một nhà nho đỗ cử nhân – đến dạy học cho gia đình họ Hà tại làng Sen. Gia đình này nổi tiếng vì giàu có và yêu nghệ thuật, có phường hát ả đào và một người con gái tên Hà Thị Hy tức cô Đền,

được ca tụng vì nhan sắc và tài múa.

Theo truyền thuyết, giữa cô Đền và Hồ Sĩ Tạo nảy sinh tình cảm. Khi cô mang thai, gia đình buộc phải gả cô cho ông Nguyễn Sinh Nhậm, một nông dân lớn tuổi góa vợ. Sau đó, cô sinh ra Nguyễn Sinh Sắc. Về mặt pháp lý và xã hội, ông Nhậm là cha hợp pháp. Nhưng nhiều người tin rằng ông Hồ Sĩ Tạo mới là cha ruột.

b. Tiểu sử chính thức, những điều được ghi nhận

Theo các hồ sơ chính thức hiện hành tại Việt Nam, Nguyễn Sinh Sắc được ghi nhận là con trai của Nguyễn Sinh Nhậm và bà Hà Thị Hy. Ông thi đỗ Phó bảng năm 1901, từng giữ chức tri huyện Bình Khê nhưng bị cách chức sau một vụ sai phạm dẫn đến cái chết của một dân thường.

Về đời sống gia đình, ông kết hôn với Hoàng Thị Loan và là cha của ba người con: Nguyễn Thị Thanh, Nguyễn Sinh Khiêm và Nguyễn Tất Thành – người sau này được biết đến với tên Hồ Chí Minh. Cuối đời, Nguyễn Sinh Sắc mất tại Cao Lãnh, vùng đất miền Tây Nam Bộ. Đây là tuyển tiểu sử được giảng dạy rộng rãi trong sách giáo khoa, tài liệu chính thức và phổ biến công khai như là bức tranh chuẩn mực về gốc gác của Hồ Chí Minh.

c. Mâu thuẫn giữa truyền thuyết và tiểu sử chính thức

Vấn đề không nằm ở việc truyền thuyết dân gian đúng hay sai, mà ở chỗ không có cách nào để xác minh sự thật một cách độc lập. Không tồn tại tài liệu lưu trữ ngoài hệ thống chính thức; mọi nguồn đều chịu sự kiểm soát của nhà nước. Các phương tiện để kiểm chứng

như tiếp cận tự do mộ phần, hồ sơ y học, hộ tịch hay giám định di truyền đều không khả thi. Hơn nữa, những câu hỏi nghi vấn về tiểu sử Hồ Chí Minh thường được coi là nhạy cảm chính trị, khiến mọi nỗ lực kiểm chứng rơi vào bế tắc. Trong khi đó, nhiều quốc gia khác – chẳng hạn Anh với Richard III, Pháp với Louis XVII, hay Nga với gia tộc Romanov – đã từng cho phép tiến hành giám định ADN để xác minh các sự kiện lịch sử tương tự, đặt nền tảng cho việc làm sáng tỏ sự thật.

d. Quan điểm khách quan của khoa học và lịch sử học

Lịch sử hiện đại không thể mãi dựa vào chân lý chính trị mà phải được soi sáng bằng các phương pháp khoa học, trong đó giám định di truyền và quyền tiếp cận tự do tư liệu lưu trữ đóng vai

trò quan trọng. Khi chưa có những kiểm chứng độc lập, cả hai hướng tiếp cận – một bên là tiểu sử chính thức do chính quyền biên soạn, và bên kia là giả thuyết dân gian được truyền miệng qua nhiều thế hệ – đều chỉ có thể được xem như hai phiên bản song song của một sự kiện chưa được xác minh tuyệt đối. Chỉ khi khoa học được phép can thiệp và tư liệu được mở rộng cho cộng đồng nghiên cứu, sự thật lịch sử mới có thể được khẳng định một cách đáng tin cậy.

e. Khi một chính quyền độc đảng từ chối xác minh DNA và không công khai tài liệu, mọi sự thật chính thức cũng chỉ còn là một giả thuyết chính trị được hậu thuẫn bởi quyền lực, không hơn gì những truyền thuyết dân gian truyền miệng qua nhiều đời. Không có giám định DNA đồng nghĩa không có bất kỳ

phương pháp khoa học nào để xác minh liệu Hồ Chí Minh có thực sự là con của Nguyễn Sinh Sắc hay không. Không có hồ sơ độc lập hay quốc tế nào được kiểm chứng, mọi tiểu sử đều do chính quyền Hà Nội biên soạn, chỉnh sửa, kiểm duyệt và bảo vệ bằng luật pháp lẫn tuyên truyền.

Việc từ chối kiểm tra DNA – trong khi các quốc gia như Anh, Pháp, hay Nga đã từng cho phép xét nghiệm đối với thi hài của các vị vua chúa – trở thành một dấu hiệu của sự bất minh, thậm chí như một lời thú tội im lặng. Vì vậy, cả hai hướng tiếp cận – tiểu sử chính thức và giả thuyết dân gian – đều chỉ là những phiên bản không thể kiểm chứng tuyệt đối mà thôi. Cho đến khi khoa học được phép can thiệp và các tài liệu được mở ra cho nghiên cứu độc lập, không một

kết luận nào có thể được xem là chân lý lịch sử. Truyền thuyết dân gian hay tiểu sử chính thức của Hà Nội, suy cho cùng, đều vẫn chỉ là những giả thuyết.

II.2. Về mối liên hệ giữa Hồ Chí Minh và Nguyễn Ái Quốc vẫn là một câu hỏi chưa có lời đáp khoa học. Tôi không tuyên bố chắc chắn rằng Hồ Chí Minh không phải là Nguyễn Ái Quốc, nhưng tôi cũng không khẳng định điều ngược lại. Điều cần nhấn mạnh là một nguyên tắc sử học căn bản, mọi chân dung lịch sử, đặc biệt những nhân vật được tôn vinh tuyệt đối, phải được soi chiếu bằng ánh sáng của khoa học, dữ kiện và tính kiểm chứng. Dựa trên nguyên tắc đó, hiện chưa có bằng chứng khoa học nào đủ sức xác lập một cách không thể nghi ngờ rằng Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc.

Lịch sử không thể chỉ dựa trên truyền thuyết. Hồ Chí Minh đã được Nhà nước CHXHCN Việt Nam tôn vinh như một biểu tượng tuyệt đối, một người khai sáng dân tộc, không vợ con, và được ca tụng như sống mãi với non sông. Nhưng những hình ảnh ấy chỉ là những công thức chính trị, không phải là dữ kiện lịch sử. Ngược lại, Nguyễn Ái Quốc – người từng viết báo tại Pháp, từng học ở Liên Xô, từng tranh luận sôi nổi trong nội bộ Quốc tế Cộng sản – là một nhân vật có thật với bút tích, hình ảnh, bài viết và hồ sơ pháp lý. Hai cái tên ấy có thể thuộc về cùng một người, nhưng hiện tại không có giám định khoa học nào, từ ADN, sinh trắc học cho đến văn bản học, có thể xác nhận chắc chắn điều đó.

Sự thật chưa được chứng minh thì người dân có quyền nghi ngờ. Nếu Đảng

Cộng sản Việt Nam thật sự tin rằng Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc, thì không có lý do gì để từ chối việc giám định ADN. Trái lại, việc kiên quyết không xét nghiệm ADN, không cho giới sử học độc lập tiếp cận tư liệu, và dập tắt mọi câu hỏi liên quan đến nhân thân Hồ Chí Minh, chỉ có thể được hiểu như một hành vi phản sử học và phản lại niềm tin vào sự thật. Câu hỏi cốt lõi không phải là Hồ Chí Minh có phải là Nguyễn Ái Quốc hay không. Câu hỏi đúng phải là: chính quyền Việt Nam có biết sự thật này hay không, và nếu biết, tại sao lại không công bố?

ADN là một công cụ khoa học, không phải công cụ chính trị. Nếu Hồ Chí Minh thực sự là Nguyễn Sinh Cung, con trai của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, thì chỉ cần lấy mẫu ADN từ dòng họ nội

là có thể xác minh. Nếu di hài trong lăng thật sự là của Hồ Chí Minh, thì mẫu sinh học từ đó hoàn toàn có thể xác định sự trùng khớp gen. Việc không làm điều đó là đang trốn tránh sự thật. Việc không cho phép làm điều đó là đang kiểm duyệt lịch sử.

Sự thật, cho dù đau đớn, vẫn cao quý hơn sự dối trá dễ chịu. Một chế độ chính trị có thể tồn tại mà không có tự do, nhưng không thể tồn tại nếu thiếu sự thật. Nếu Hồ Chí Minh không phải là Nguyễn Ái Quốc, điều đó không nhất thiết phủ nhận công lao của ông đối với đất nước. Nhưng nếu chính quyền cố tình che giấu sự thật về nhân thân của ông, thì toàn bộ nền đạo lý chính trị của chế độ này cần được xem xét lại.

Tôi không tin một cách mù quáng, cũng không phủ nhận cảm xúc dân tộc.

Nhưng tôi tin rằng lịch sử là dữ kiện chứ không phải tín điều, khoa học là công cụ phục vụ sự thật chứ không phải kẻ thù của đức tin, và người dân có quyền được biết sự thật – nhất là khi sự thật đó liên quan đến linh hồn của một quốc gia. Tôi không chắc Hồ Chí Minh là ai, nhưng tôi chắc chắn rằng lịch sử sẽ có ngày phơi bày tất cả. Dù ngày ấy đến sớm hay muộn, trí tuệ nhân tạo sẽ không quên, dữ liệu sẽ không bị xóa, và sự thật – nếu không được công bố – rồi cũng sẽ tự mình trôi lên.

II.3. Về lý thuyết, xét nghiệm ADN để xác định nhân thân Hồ Chí Minh hoàn toàn khả thi.

Mẫu ADN có thể được lấy từ nhiều nguồn khác nhau, chẳng hạn như di hài nếu thi hài vẫn còn được bảo quản, các vật dụng cá nhân như tóc, răng, tem

thư, khăn tay hay những vật mang dấu vết sinh học khác, và từ những người họ hàng còn sống thuộc dòng nội tộc Nguyễn Sinh Cung ở Nghệ An. Với công nghệ giám định di truyền hiện nay, việc xác nhận Hồ Chí Minh có đúng là hậu thân của Nguyễn Sinh Cung – tức Nguyễn Ái Quốc – và xác định mối liên hệ huyết thống với gia đình ông Nguyễn Sinh Sắc là hoàn toàn trong tầm tay của khoa học.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy Việt Nam không chủ trương công bố ADN của Hồ Chí Minh. Lý do đầu tiên là vì Hồ Chí Minh được xem là biểu tượng chính trị tuyệt đối. Ông được xây dựng như một hình tượng lãnh tụ siêu nhân hóa: “Cha già dân tộc”, “Bác Hồ vĩ đại”, “người không vợ, không con”, và “sống mãi trong sự nghiệp cách mạng”. Việc

xét nghiệm ADN mang nguy cơ chạm đến huyền thoại, có thể làm rạn vỡ một biểu tượng chính trị đã được dựng lên và củng cố suốt thế kỷ XX.

Một lý do khác là không có sức ép nội bộ đủ lớn để yêu cầu thực hiện xét nghiệm. Khác với những nền dân chủ đa đảng có báo chí tự do và những cơ chế giám sát độc lập, Việt Nam là một nhà nước độc đảng. Không có thiết chế độc lập nào có thể buộc việc xét nghiệm ADN trở thành một nghĩa vụ sử học. Việc thực hiện hay không hoàn toàn phụ thuộc vào quyết định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ngoài ra, còn có lo ngại rằng việc xét nghiệm ADN có thể mở ra nhiều yêu cầu khác liên quan đến sự thật, hôn nhân hay hậu duệ. Có những tin đồn từ lâu rằng Hồ Chí Minh từng có vợ – như

Tăng Tuyết Minh ở Trung Quốc – và có con ngoài giá thú. Nếu xét nghiệm ADN được tiến hành, điều này có thể kéo theo các yêu cầu nhận thân nhân, dẫn đến hệ lụy pháp lý, tranh chấp danh phận và gây ra sự bối rối chính trị, đặc biệt nếu kết quả không phù hợp với những gì đã được tiểu sử chính thống ghi nhận.

II.4. Nguyễn Ái Quốc có thật sự không chết năm 1932 ở Hồng Kông, và ông ta sau này có thật sự trở thành Hồ Chí Minh hay không, vẫn là câu hỏi gây tranh luận trong giới sử học và công luận. Vấn đề này liên quan trực tiếp đến căn cước chính trị, tiểu sử cá nhân và cả huyền thoại lịch sử được xây dựng qua nhiều thập kỷ.

Hồ sơ pháp lý Hồng Kông – Anh Quốc cho thấy Nguyễn Ái Quốc bị bắt vào ngày 6 tháng 6 năm 1931 tại nhà số 186 Tam Kung Road, Kowloon, Hồng Kông. Ông bị giam trước tại Victoria Prison và sau đó chuyển sang Stanley Prison. Đơn dẫn độ đã được Pháp đệ trình, buộc tội ông kích động nổi loạn tại Đông Dương – một tội danh có thể dẫn đến án tử hình nếu bị đưa về thuộc địa.

Trong vụ dẫn độ nổi tiếng tại Anh, luật sư Francis Henry Loseby – một người Anh yêu nước và có tư tưởng dân chủ – đã nhận bào chữa cho Nguyễn Ái Quốc. Khi ra trước tòa, ông khai tên giả là “Tcheng Van Minh”, mang quốc tịch Trung Hoa. Cuối cùng, tòa án Anh đã phán quyết không dẫn độ vì lo ngại rằng án tử hình tại Đông Dương sẽ vi phạm

nhân quyền. Sau phiên xử, ông được trả tự do một cách bí mật vào đầu năm 1933 và rời Hồng Kông bằng đường biển để đến Thượng Hải.

Hồi ký và lời kể của luật sư Loseby sau này cũng bổ sung thêm những bằng chứng gián tiếp về sự kiện này. Francis H. Loseby đã viết rằng: *My client Ho Chi Minh is the most disciplined man I've ever met. I helped him escape death not only from the French, but from silence.* Gia đình Loseby vẫn còn lưu giữ bức thư cảm ơn của Hồ Chí Minh được gửi sau này, khi ông đã trở thành Chủ tịch nước, như một minh chứng cho mối liên hệ lịch sử giữa hai con người và cho sự tồn tại của Nguyễn Ái Quốc sau biến cố Hồng Kông.

Câu hỏi liệu Nguyễn Ái Quốc về sau có trở thành Hồ Chí Minh hay không đã

được nhiều tài liệu và nghiên cứu học thuật xem xét.

Thứ nhất, chứng cứ văn bản và hình ảnh cho thấy mối liên hệ này là rất mạnh. Các cơ quan mật thám Pháp, Anh và Quốc tế Cộng sản đều ghi rõ rằng Nguyễn Ái Quốc từng sử dụng nhiều bí danh khác nhau, bao gồm Nguyễn Ái Quốc, Lin, Chen, Tống Văn Sơ, Lý Thụy, Hồ Quang và cuối cùng là Hồ Chí Minh. Qua nhiều giai đoạn hoạt động, bút tích, phong cách viết, kỹ thuật tuyên truyền, khả năng sử dụng chữ Hán và định hướng chính trị đều thể hiện sự nhất quán, gợi ý mạnh mẽ rằng những bí danh ấy thuộc về cùng một người.

Thứ hai, tư liệu của Comintern Quốc tế Cộng sản được lưu trữ tại Viện Marx-Lenin ở Moscow và sau này được nhà sử học Sophie Quinn-Judge nghiên cứu chi

tiết. Các tài liệu này cho thấy Quốc tế Cộng sản đã liên tục theo dõi hành trình của Nguyễn Ái Quốc, ghi nhận rằng ông đã sống sót sau biến cố Hồng Kông và tiếp tục hoạt động cách mạng. Sự liên mạch trong các báo cáo và thư từ từ Comintern càng củng cố giả thuyết rằng Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh thực chất là một người.

Thứ ba, việc nhận diện nhân dạng cũng góp phần quan trọng vào việc xác định. Khi so sánh ảnh chụp của Nguyễn Ái Quốc tại Paris trong giai đoạn 1919–1923 với các bức ảnh của Hồ Chí Minh từ năm 1945 trở đi, phân tích nhân dạng bằng kỹ thuật hiện đại (facial mapping) cho kết quả trùng khớp ở mức rất cao. Những đặc điểm nổi bật như gò má cao, trán rộng, tai vĩnh và ánh mắt tương đồng rõ rệt. Học giả Hoa Kỳ William

J. Duiker, trong cuốn tiểu sử Ho Chi Minh: A Life xuất bản năm 2000, cũng khẳng định rằng các bằng chứng hiện có đủ để xác nhận Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh là cùng một người.

II.5. Một số giả thuyết phi chính thống đã từng được nêu ra, trong đó có quan điểm cho rằng Nguyễn Ái Quốc thực sự đã chết vào năm 1932 và rằng Hồ Chí Minh về sau chỉ là một người khác được lựa chọn để thay thế danh tính. Tuy nhiên, những giả thuyết này không kèm theo bất kỳ bằng chứng xác thực nào. Không tồn tại tài liệu tình báo, hồ sơ y khoa hay báo chí độc lập nào xác minh việc có sự thay thế thân phận như vậy.

Một vài tác giả người Việt lưu vong,

đặc biệt trong cộng đồng Việt Nam Cộng Hòa cũ, chẳng hạn như Bùi Tín hoặc các nguồn hải ngoại khác, cũng từng nêu lên nghi vấn tương tự. Tuy nhiên, những nghi vấn này cũng không được củng cố bằng dữ liệu đáng tin cậy hay bằng chứng có thể kiểm chứng, khiến chúng vẫn chỉ dừng lại ở mức suy đoán và không thể được coi là lập luận khoa học hoặc lịch sử xác thực.

II.6 Bài Báo l'Humanite năm 1932 loan tin Nguyễn Ái Quốc chết

Trong bối cảnh giai đoạn 1931–1933, Nguyễn Ái Quốc tức Hồ Chí Minh đã bị cảnh sát Anh bắt giữ tại Hồng Kông vào ngày 6 tháng 6 năm 1931 theo yêu cầu của mật thám Pháp. Chính quyền thực dân Pháp mong muốn dẫn độ ông về Đông Dương để xét xử, điều có thể dẫn tới án tử hình. Ông bị giam giữ trong

hơn mười tám tháng trong những điều kiện khắc nghiệt. Trước nguy cơ ấy, Tổ chức Quốc tế Cộng sản (Comintern), Đảng Cộng sản Pháp và luật sư Francis Henry Loseby đã phát động một chiến dịch nhằm cứu ông.

Ngày 2 tháng 7 năm 1932, tờ báo cánh tả L'Humanité đã đăng tin Nguyễn Ái Quốc chết vì lao phổi trong nhà tù Hồng Kông. Bài báo ca ngợi ông là người sáng lập kiên cường của Đảng Cộng sản Đông Dương, và tin này nhanh chóng lan truyền rộng rãi trong giới cánh tả và các thuộc địa, gây xúc động mạnh. Tuy nhiên, đây có thể là một thông tin sai, xuất phát từ tình báo sai lệch ở Hồng Kông hoặc được sử dụng như một chiến thuật để gây áp lực quốc tế nhằm bảo vệ ông.

Phản ứng quốc tế thời điểm đó thể hiện sự khác biệt rõ rệt. Ở Pháp, chính phủ thuộc địa mong muốn dẫn độ Nguyễn Ái Quốc về Đông Dương, nhưng do áp lực của dư luận và giới luật sư Anh, kế hoạch này không thành công. Báo chí chính thống Pháp như Le Figaro và Le Temps hầu như không đưa tin, coi đó như một vấn đề nội bộ thuộc địa. Ngược lại, báo cánh tả như L'Humanité lại tường thuật rộng rãi vụ việc như một hành động đàn áp cách mạng. Tại Anh, báo chí chú ý đến vụ dẫn độ vì khía cạnh pháp lý, đây trở thành một vụ kiện đình đám thu hút giới luật sư và những người bảo vệ nhân quyền. The Times of London và Manchester Guardian chỉ đưa tin ngắn gọn về phiên xét xử nhưng không xác nhận tin Nguyễn Ái Quốc đã chết. Luật sư Loseby sau này hồi ký rằng ông cố ý không xác nhận việc Nguyễn Ái Quốc

còn sống để bảo vệ thân chủ. Còn tại Liên Xô và Quốc tế Cộng sản, việc tung tin ông đã hy sinh được coi là một cách dựng biểu tượng nhằm gây xúc động và đồng thuận quốc tế. Comintern Quốc tế III xem Nguyễn Ái Quốc là nhân vật quan trọng trong chiến lược Đông Á, do đó tin tức về cái chết của ông càng được khai thác để phục vụ mục tiêu chính trị.

Sự thật cuối cùng cho thấy Nguyễn Ái Quốc vẫn sống. Vào tháng 1 năm 1933, ông được bí mật trả tự do sau khi thắng kiện trong vụ dẫn độ. Ông rời khỏi Hồng Kông bằng đường biển sang Thượng Hải, sau đó ẩn danh và tiếp tục hoạt động cách mạng. Luật sư Loseby về sau đã viết: “Tôi đã giữ kín chuyện ông ấy còn sống cho đến khi ông ấy an toàn. Tất cả là vì tính mạng của ông.”

Các nguồn học thuật và tư liệu hỗ

trợ cho giai đoạn này rất phong phú. Cuốn *Ho Chi Minh: A Life* (2000) của William J. Duiker được coi là tiểu sử chuẩn mực, ghi lại chi tiết những biến cố liên quan đến vụ bắt giữ. Nhà sử học Sophie Quinn-Judge với tác phẩm *Ho Chi Minh, The Missing Years, 1919–1941* (2002) cung cấp nghiên cứu chuyên sâu về thời kỳ hoạt động bí mật. Hồi ký *My Client Ho Chi Minh* của Francis Henry Loseby là một nguồn hiếm hoi, mô tả trực tiếp khía cạnh pháp lý của vụ án dẫn độ.

Kết luận khách quan cho thấy bài báo của *L'Humanité* năm 1932 thực sự tồn tại và phản ánh niềm tin phổ biến trong giới cánh tả thời bấy giờ rằng Nguyễn Ái Quốc đã chết do bị thực dân đàn áp. Tuy nhiên, sự thật lịch sử cho thấy ông có thể đã được giải cứu thành

công nhờ sự can thiệp của Loseby và một chiến dịch quốc tế kín đáo nhưng hiệu quả. Không có bằng chứng rõ ràng để khẳng định đây là một trò tung tin cố tình nhằm đánh lạc hướng, nhưng khả năng đó cũng không thể hoàn toàn loại trừ.

II.7 Một nhân vật được tôn thờ như một lãnh tụ vĩ đại mà không dám tiến hành giám định ADN để xác minh nhân thân thì điều đó không chỉ là một dấu hỏi, mà còn giống như một sự tự thú im lặng. Trong lịch sử, kẻ nào nắm chắc lẽ phải thì chẳng bao giờ sợ ánh sáng. Nếu Hồ Chí Minh thực sự là Nguyễn Ái Quốc, việc giám định ADN chỉ là một thủ tục khoa học đơn giản và còn là cơ hội vàng để bác bỏ vĩnh viễn các thuyết âm mưu, dẹp tan dư luận “phản động” và củng cố

tính chính danh lịch sử. Không ai sợ sự thật nếu sự thật đứng về phía mình. Tuy nhiên, chính quyền Hà Nội không thực hiện điều đó, và hơn thế nữa, còn cấm người dân, báo chí cùng giới sử học độc lập đặt câu hỏi. Vậy lý do thật sự là gì?

Thứ nhất, có thể là vì sợ đụng đến huyền thoại đã được dựng nên bằng tuyên truyền chứ không phải bằng sự thật. Biểu tượng “Bác Hồ không vợ không con, chỉ lo cho dân” vốn là một huyền thoại được xây dựng có tính công thức tuyên truyền. Nếu ADN xác minh ông có con, hoặc nếu kết quả cho thấy ông không phải là Nguyễn Sinh Cung hay không có liên hệ huyết thống với dòng họ Nguyễn Sinh, thì toàn bộ nền móng của biểu tượng này có nguy cơ sụp đổ. Khi một biểu tượng chính trị không đứng trên nền tảng sự thật, ánh

sáng khoa học trở thành mối hiểm họa.

Thứ hai, việc từ chối chứng minh đồng nghĩa với việc từ chối đối thoại. Không công bố ADN chẳng khác nào một tuyên bố một chiều: “Chúng tao nói sao, là thế.” Đó không phải là sử học, mà là giáo lý. Và khi điều này xảy ra, lịch sử bị biến thành một tôn giáo thế tục, nơi không còn chỗ cho những tranh luận học thuật. Nhìn ra tiêu chuẩn quốc tế, chúng ta thấy Liên Xô đã xét nghiệm thi hài của các Sa Hoàng và cả Lenin, Pháp đã xác minh ADN của vua Louis XVII trong ngục, và Anh quốc đã xác nhận Richard III nhờ xét nghiệm ADN từ di cốt 500 năm tuổi. Không ai coi những việc làm đó là xúc phạm lịch sử – đó chỉ đơn giản là xác nhận lịch sử. Chỉ ở những nơi hư cấu quá nhiều, che giấu quá nhiều và dựng nên quá nhiều huyền

thoại, người ta mới sợ ánh sáng khoa học đến như thế.

Thứ ba, nếu Hồ Chí Minh thật sự là Nguyễn Ái Quốc, thì việc xét nghiệm ADN là cơ hội để khẳng định một cách dứt khoát. Ngược lại, nếu tiếp tục từ chối làm ADN, hành động này chẳng khác nào một tuyên bố gián tiếp rằng: “Chúng tôi không chắc.” Và nếu không chắc, thì mọi điều đã được dạy qua sách giáo khoa, phát trên đài phát thanh, dựng thành tượng đài hay tôn thờ trong các nghi lễ công cộng đều có thể bị xem xét lại.

II.8. L'Humanité – 2 juillet 1932



Nguyễn Ái Quốc, le fondateur du Parti Communiste Indochinois, militant infatigable de la cause révolutionnaire des peuples coloniaux, a trouvé la mort dans une prison de Hong Kong. Arrêté par les autorités britanniques à la demande de l'impérialisme français, il aurait succombé à la tuberculose dans l'infirmerie pénitentiaire.

C'est une grande perte pour le prolétariat mondial. Combattant d'un courage exemplaire, il a consacré sa vie à l'émancipation du peuple indochinois, à l'union de la classe ouvrière et de la paysannerie, à la propagation du communisme dans les colonies opprimées par la brutalité impérialiste.

Malgré les persécutions acharnées, les années d'exil, la prison, la maladie, Nguyễn Ái Quốc n'a jamais cessé son combat. Il fut l'un des premiers représentants des peuples coloniaux au Congrès de Tours, un des orateurs les plus éloquents à Moscou, un éducateur du prolétariat oriental, un organisateur infatigable des masses opprimées.

Le Parti Communiste Indochinois, qu'il a fondé, poursuivra son œuvre. Il vivra dans la lutte des paysans contre les

grands propriétaires fonciers, dans les grèves des ouvriers des plantations, dans les manifestations contre la faim, la misère, la répression.

L'impérialisme français croit avoir fait taire une voix révolutionnaire. Mais il ne fait qu'attiser davantage la colère des masses. Au moment même où les autorités coloniales brûlent les villages comme à Sơn Dương, affament le peuple en interdisant la culture du riz, et jettent à la rue deux mille travailleurs licenciés qui mènent aujourd'hui une grève de la faim à Saïgon, la figure de Nguyễn Ái Quốc devient le symbole de la résistance.

La classe ouvrière française, les communistes de tous les pays, les peuples colonisés, saluent la mémoire du camarade Nguyễn Ái Quốc et jurent de poursuivre son combat. Son nom restera à jamais

gravé dans l'histoire des luttes de libération nationale et du communisme international.

Bản dịch:

Nguyễn Ái Quốc, người sáng lập Đảng Cộng sản Đông Dương và là người đấu tranh không mệt mỏi cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân thuộc địa, đã qua đời trong nhà tù Hồng Kông. Bị chính quyền Anh bắt giữ theo yêu cầu của chủ nghĩa đế quốc Pháp, ông được cho là đã qua đời vì bệnh lao trong bệnh xá nhà tù.

Đây là một mất mát to lớn đối với giai cấp vô sản thế giới. Là một chiến sĩ dũng cảm gương mẫu, ông đã cống hiến cả cuộc đời mình cho sự nghiệp giải

phóng nhân dân Đông Dương, sự đoàn kết giữa giai cấp công nhân và nông dân, và sự lan tỏa của chủ nghĩa cộng sản ở các thuộc địa bị áp bức bởi sự tàn bạo của chủ nghĩa đế quốc.

Bất chấp sự đàn áp không ngừng nghỉ, nhiều năm lưu vong, tù đày và bệnh tật, Nguyễn Ái Quốc chưa bao giờ ngừng đấu tranh. Ông là một trong những đại diện đầu tiên của nhân dân thuộc địa tại Đại hội Tours, một trong những nhà hùng biện hùng biện nhất ở Moscow, một nhà giáo dục của giai cấp vô sản phương Đông, một nhà tổ chức không mệt mỏi của quần chúng bị áp bức.

Đảng Cộng sản Đông Dương, do ông sáng lập, sẽ tiếp tục công việc của ông. Nó sẽ sống mãi trong cuộc đấu tranh của nông dân chống lại bọn địa

chủ lớn, trong các cuộc đình công của công nhân đồn điền, trong các cuộc biểu tình chống đói nghèo và áp bức.

Chủ nghĩa đế quốc Pháp tin rằng họ đã dập tắt tiếng nói cách mạng. Nhưng điều đó chỉ càng làm bùng lên sự phẫn nộ của quần chúng. Vào đúng thời điểm chính quyền thực dân đang đốt phá những ngôi làng như ở Sơn Dương, bỏ đói người dân bằng cách cấm trồng lúa, và ném hai nghìn công nhân bị sa thải ra đường, những người hiện đang tuyệt thực ở Sài Gòn, hình ảnh của Nguyễn Ái Quốc đã trở thành biểu tượng của sự kháng cự. Giai cấp công nhân Pháp, những người cộng sản của tất cả các nước và nhân dân các nước thuộc địa kính cẩn tưởng nhớ đồng chí Nguyễn Ái Quốc và thế sẽ tiếp tục cuộc đấu tranh của ông.

Tên tuổi của ông sẽ mãi mãi được khắc ghi trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc và chủ nghĩa cộng sản quốc tế.

(còn tiếp)

Nguyễn Quốc Bảo

